TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST Ngày: 15-7-2019 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;
- Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc N,** sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp MT, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn A,** sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp MT, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Chị và anh Lê Văn A qua tìm hiểu, quen nhau nên tiến tới hôn nhân. Chị và anh A đám cưới khoảng gần 01 năm mới tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 13-4-2010. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, và mâu thuẫn trầm trọng kể từ cuối năm 2018. Nguyên nhân là do anh A thường xuyên nhậu nhẹt, đá gà, đánh bài, cá độ đá banh. Chị đã trả nợ do anh A cờ bạc thua tiền nhiều lần, có lần 5-6 triệu đồng, có lần hơn 10 triệu đồng. Anh A còn lấy

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố để lấy tiền đánh bài, hiện nay vẫn còn cầm. Chị khuyên anh A nhiều lần nhưng anh A vẫn không thay đổi. Hiện nay cuộc sống vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, anh A đi đâu làm gì cũng không báo cho chị biết, có khi đi qua đêm không về. Khoảng hai năm trước, anh A nhậu về đánh đập, hành hạ chị, còn 02 năm trở lại đây vợ chồng không ai quan tâm đến ai nên anh A không đánh chị nữa. Hiện nay chị và anh A đã không còn sống chung nhà, tình cảm vợ chồng không còn, các con đều do chị nuôi dưỡng, khi con bị té gãy tay nhưng anh A cũng không quan tâm, không đến bệnh viện thăm con. Do đó, nay chị nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 10-9-2010 và Lê Minh A, sinh ngày 05-9-2012. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung sau khi ly hôn, tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, nhưng nay chị rút lại, không yêu cầu anh A cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai bên tự thương lượng giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh A, đồng thời yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị N là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lê Văn A tranh chấp về ly hôn; anh A cư trú tại ấp Mỹ Thuận, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Lê Văn A không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh A.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lê Văn A là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 13-4-2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc

đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trở nên trầm trọng kể từ cuối năm 2018. Nguyên nhân được chị N nêu và chính quyền địa phương xác nhận là do anh A thường xuyên chơi đá gà, đánh bài, cá độ bóng đá, anh A không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Chị N đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ ngày 17-5-2019 đến nay. Dù các tình tiết này chỉ do phía chị N nêu ra, được chính quyền địa phương xác nhận và phía anh A không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh A không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh A đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" và "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị N và anh A đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị N và anh A có 02 con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày 10-9-2010 và Lê Minh A, sinh ngày 05-9-2012, hiện hai con đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm lý của hai cháu. Chị N không yêu cầu phía anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này chị N có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh A không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc N. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Lê Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh T, sinh ngày 10-9-2010 và Lê Minh A, sinh ngày 05-9-2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Lê Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N chưa yêu cầu.

Anh Lê Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16563 ngày 02-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị N đã thi hành xong án phí.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của anh Lê Văn A là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực